**KẾ HOẠCH**

**Ôn tập kiến thức trong thời gian nghỉ học**

**phòng chống dịch viêm phổi cấp do virus corona**

**1. Mục tiêu**

* Giúp học sinh củng cố, ôn tập kiến thức đã học trong thời gian nghỉ học phòng chống dịch viêm phổi cấp do virus Corona.

**2. Đối tượng**

- Toàn bộ học sinh đang tham gia học chương trình iSMART tại nhà trường.

**3. Thời gian ôn tập**

* Tuần từ 9/3 đến 13/3/2020.

**4. Hình thức ôn tập**

* Hàng tuần, ISMART sẽ gửi nội dung ôn tập cho nhà trường qua email gồm:

1. File PDF nội dung ôn tập.
2. Video chữa bài ôn tập của mỗi tuần.

* Kính nhờ Qúy Nhà trường đưa thông tin lên Website Nhà trường hoặc các group zalo của Phụ huynh nhằm thông báo đến phụ huynh.

**5. Nội dung ôn tập**

* Nội dung ôn tập của tuần từ 9/3 đến 13/3/2020 cụ thể như sau:

**Khối 6**

| **Subject**  ***Môn học*** | **Unit/ Main topic**  ***Chương/ Chủ đề*** | **Objectives**  ***Mục tiêu bài học*** | **Language items**  ***Từ vựng/ cấu trúc trọng tâm*** |
| --- | --- | --- | --- |
| Maths 6  *TA Toán 6* | Unit 3 – Factor and multiple  *Chương 3 – Ước số và bội số* | - Know and apply tests of divisibility by 2, 3, 5 and 9. (*Nhận biết và áp dụng dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5 và 9 )*  - Understand the concept of factor and multiple. (*Hiểu được định nghĩa của ước số và bội số*)  - Be able to find factors and multiples of a number. *(Tìm được ước số và bội số của một số)*  *-* Understand the concept of prime number and composite number. *(Hiểu được định nghĩa của số nguyên tố và hợp số)*  - Be able to perform basic prime factorisation *(Phân tích thừa số nguyên số)*  - Understand the concepts of common factor and common multiple. (Hiểu được định nghĩa ước chung và bội chung)  - Understand the concept of the greatest common factor and the least common multiple. (Hiểu được định nghĩa ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất) | *- … is divisible by …*  ***(… chia hết cho …)***  *- … is not divisible by …*  ***(… không chia hết cho …)***  *- … is divisible by … if its last digit is …*  ***(… được chia hết bởi … nếu có chữ số cuối cùng là …)***  *- … is divisible by … if the sum of its digits is divisible by …*  ***(… được chia hết bởi …nếu tổng được chia hết bởi …)***   * divisible, divisibility   *(chia hết, tính chất chia hết)*   * *Multiples of … are …*   ***(Bộ số của … là …)***   * *Factors of … are …*   ***(Ước số của … là …)***   * *… is a multiple of …*   ***(… là bội số của …)***   * *… is a factor of …*   ***( … là ước số của …)***   * factor, multiple   *(ước số, bội số)*   * *… is a prime number.*   ***(… là số nguyên tố)***   * *… is a composite number.*   ***(… là hợp số)***   * *Prime, composite, prime factorisation, prime factors*   ***(nguyên tố, hợp số, thừa số nguyên tố, ước số)***   * *… is the greatest common factor of …*   ***(.. là ước chung của …)***   * *… is the least common* ***multiple of …***   ***(… là bội chung của …)***   * common factor, common multiple, greatest common factor, least common multiple   *(ước chung, bội chung, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất)* |
| Science 6  *TA Khoa học 6* | Unit 3 – Structure of a plant  *Chương 3 – Cấu tạo thực vật* | - Know the functions of roots.  *(Nắm được các chức năng của rễ)*  - Distinguish between 2 types of root systems and give examples of each type  *(Phân biệt 2 loại rễ và đưa ví dụ cho mỗi loại)*  - Know the structure of a root.  *(Nắm được cấu tạo của rễ)*  - Understand the function of each part of a root.  *(Hiểu được chức năng từng phần của rễ)*   * Know the functions of a stem.   *(Nắm được chức năng của thân)*   * Know the structure of a leaf.   *(Nắm được cấu tạo của lá)*   * Understand the functions of a leaf.   *(Hiểu được các chức năng của lá)*   * Know the structure of a flower.   *(Nắm được cấu tạo của hoa)*   * Understand the process of reproduction in a plant.   *(Hiểu được quá trình sinh sản của thực vật)* | * root, taproot, fibrous root, soil, absorb, minerals   *(rễ, rễ cọc, rễ chùm, đất, hấp thu, muối khoáng)*   * zone of maturation, zone of elongation, zone of cell division, root hair, root cap   *(miền trưởng thành, miền hút, miền sinh trưởng, lông rễ, chóp rễ)*   * store, transport, nutrient, branch   *(trữ, vận chuyển chất, chất dinh dưỡng, nhánh)*   * sunlight, oxygen, vein, midrib, energy, organic nutrient, carbon dioxide   *(ánh nắng, ôxy, gân lá, gân giữa, năng lượng, chất dinh dưỡng hữu cơ, cacbon điôxít)*   * stigma, petal, ovary, anther, style, sepal, ovule, pollen, fertilisation, seed   *(đầu nhụt, cánh hoa, bầu nhụt, bao phấn, vòi nhụt, đài hoa, noãn, sự thụ tinh, hạt)* |

**Khối 7**

| **Subject**  ***Môn học*** | **Unit/ Main topic**  ***Chương/ Chủ đề*** | **Objectives**  ***Mục tiêu bài học*** | **Language items**  ***Từ vựng/ cấu trúc trọng tâm*** |
| --- | --- | --- | --- |
| Maths 7  *Toán 7* | U3 – Triangles *Chương 3: Hình tam giác* | * Understand the concept of different types of triangles: equilateral, isosceles, scalene, right, acute, and obtuse.   *(Hiểu được định nghĩa của các loại tam giác khác nhau: tam giác đều, tam giác cân, tam giác thường, tam giác vuông, tam giác nhọn, và tam giác tù)*   * Understand the concept and relationship of interior and exterior angles of a triangle   *(Hiểu được định nghĩa và quan hệ của góc trong và góc ngoài của một tam giác)*   * Understand the concept of congruent triangles.   *(Hiểu được định nghĩa của tam giác tương đẳng)*   * Know the triangle congruence theorems.   *(Nắm được định lý tam giác tương đẳng)* | * … is a(n) equilateral / isosceles / scalene / right / acute / obtuse triangle.   ***(… là tam giác đều/ tam giác cân/ tam giác thường/ tam giác vuông/ tam giác nhọn/ tam giác bù)***   * … is an interior / exterior angle of triangle *…*   ***(… là góc trong/ góc ngoài của tam giác …)***   * equilateral, isosceles, scalene, right, acute, obtuse, interior, exterior, nonadjacent   (*tam giác đều, tam giác cân, tam giác thường, tam giác vuông, tam giác nhọn, và tam giác tù, góc trong, góc ngoài, không cạnh chung)*   * *… are congruent triangles because of … rule.*   ***(là tam giác tương đẳng vì … quy tắc)***   * *congruent, side-side-side, side-angle-side, angle-side-angle, hypotenuse-side*   *(tương đẳng, cạnh-cạnh-cạnh, cạnh-góc-cạnh, góc-cạnh-góc, cạnh huyền)* |
| Science 7  *Khoa học 7* | U3 - Mirror *Chương 3: Gương* | - Learn convex mirrors and understand their application in daily life.  *(Học về gương cầu lồi và ứng dụng của gương cầu lồi trong cuộc sống hằng ngày)*  - Describe an image which is formed in a convex mirror  *(Mô tả hình ảnh tạo bởi gương cầu lồi)*   * Learn concave mirrors and how they work.   *(Học về gương cầu lõm và cách thức hoạt động)*   * Describe an image which is formed in a concave mirror.   *(Mô tả hình ảnh tạo bởi gương cầu lõm)* | - virtual image, principal axis, “F” focal point, “C” centre of curvature, outward  (ảnh ảo, trục chính, tiêu điểm “F”, tâm cong “C”, hướng ra ngoài)   * concave mirror, principal axis, virtual image, real image, “F” focal point, “C” centre of curvature, inward, beam   (gương cầu lõm, trục chính, ảnh ảo, ảnh thật, tiêu điểm “F”, tâm cong “C”, hướng vào trong, chùm sáng) |

Trên đây là kế hoạch ôn tập cho học sinh đang tham gia học chương trình ISMART tuần từ 9/3 đến 13/3.

Kính mong Quý trường gửi thông tin đến Phụ huynh học sinh để nắm thông tin và hỗ trợ học sinh ôn tập. Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý trường

**ISMART EDUCATION**